

## VÀI NÉT VỀ TÍN NGŨNG CỦA NGƯỜI CO

LŨU HÙNG

Dân tộc Co có khoảng 28.000 người, cư trú tập trung lâu đời tại huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi và huyện Trà My tỉnh Quảng Nam.

Tín ngưỡng của người Co khá phức tạp và nhiều thú vị, nhưng lại chưa được nghiên cứu là bao. Trong công trình *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam)* <sup>(1)</sup>, chỉ có 25 dòng giới thiệu sơ qua về tín ngưỡng, tôn giáo của người Co; và từ đó đến nay, ngoài một số bài viết ngắn giới thiệu tổng quát dưới dạng monographie, vẫn chưa có nghiên cứu thêm nào về chủ đề này <sup>(2)</sup>. Những tài liệu trình bày dưới đây cũng mới chỉ là một số ghi nhận qua tìm hiểu điền dã chủ yếu tại thôn 2 của xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, Quảng Ngãi. Có thể coi tín ngưỡng Co như một thế giới cần được khám phá tiếp.

Tôn giáo tự nhiên ở các tộc người khác trên vùng Trường Sơn-Tây Nguyên, sinh hoạt tôn giáo cổ truyền của người Co cơ bản dựa trên tín ngưỡng vạn vật hữu linh, là tín ngưỡng gắn bó sâu sắc và chi phối đậm nét cuộc sống cá nhân cũng như cộng đồng ở vùng người Co. Phổ biến tín niệm chung là muôn vật đều có "hồn" hay tinh linh, bất kể là con người hay con vật, chiêng ché, trâu cau, quế, lúa gạo... Song, tín

ngưỡng Co cũng có những điểm tương đối khác biệt, liên quan đến các yếu tố thuộc phạm vi xã hội tộc người, quan hệ tộc người...

### 1. Thế giới "thần linh" phần lớn là các "ông" và một ít các "bà"

Trong tín ngưỡng Co có một hệ thống siêu nhiên đông đảo với những tên gọi cụ thể, trong đó đa số là nam thần. Các thần được người Co nhân cách hoá theo lối suy xét và nhận thức của mình. Về ngôn ngữ, họ vẫn chỉ coi các thần linh này là những "ông" (*koi*). Dưới góc độ dân tộc học, đây có thể là một phản ánh của xã hội phụ hệ ở vùng người Co. Họ là một trong số ít dân tộc ở vùng Trường Sơn-Tây Nguyên đã xác lập chế độ phụ hệ tương đối rõ nét trong đời sống xã hội.

Theo người Co quan niệm, mỗi phương hướng trong không gian đều có một *koi* làm chủ, cai quản: Hướng đông có *koi ngay hblok / koi hblok xing chơ*; hướng tây - *koi ngay hláp / koi hláp xing lơ*; hướng nam - *koi pa-kook / koi pa-kook xing hơ*; hướng bắc - *koi chrook đih / koi chrook đih xing ninh*.

Ở tầng mặt đất có *koi đak đih* (hay *koi đih*) như vị "thần xứ sở", trông coi cả vùng, toàn bộ đất nước; đồng thời có *koi vuk bri* và *mó vuk bri* là cặp vợ chồng "thần rừng" - "thần đất", cai quản đất đai rừng núi nơi từng cộng đồng làng người Co sinh sống.

<sup>(1)</sup>. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984. Trong đó, *Dân tộc Co* do chính tác giả bài tạp chí này viết.

<sup>(2)</sup>. "Nghề trồng quế của người Co, người Cadong ở Nghĩa Bình và Quảng Nam - Đà Nẵng", Tạp chí Dân tộc học, số 4/1977 (tr. 49-58).

Đặc biệt, ng- ời Co tin rằng có một thế giới các "thần" ở trên tầng cao / trên trời. Qua lời cúng của họ, có thể tìm thấy hàng chục "ông":

1. *Koi Vất*
2. *Koi Bnông*
3. *Koi Ya số*
4. *Koi Hak*
5. *Koi Vua*
6. *Koi Săng sô*
7. *Koi Kmok*
8. *Koi Ngok hoang*
9. *Koi Yang đìh*
10. *Koi Yang in*
11. *Koi Yang brak*
12. *Koi Mắt ngời*
13. *Koi Siêk*
14. *Koi Sral*
15. *Koi Y- n đu*
16. *Koi Kut ku*
17. *Koi Kut kak*
18. *Koi Kong blik*
19. *Koi Blook*
20. *Koi Kong gôk*
21. *Koi Kong slí*
22. *Koi Âm la zri*
23. *Koi Âm la kơ*
25. *Koi Âm piêu*
26. *Koi Âm ôh ăm ka*
27. *Koi Âm chik ăm took*
28. *Koi Âm rmok ăm ao*
29. *Koi Âm nhuk ăm kook*<sup>(1)</sup>

Các nữ thần đều đ- ợc ng- ời Co gọi là "bà" (*mó* hay *mah*), nh- ng số l- ợng không nhiều, mới chỉ thấy có 5 vị: ngoài *Mó Vuk bri* đã nhắc đến, còn 4 bà nữa là *Mó Huyt*, *Mó Pí*, *Mó Ká* và *Mó Zây*.

## 2. Các "thần" có những vị thế và quyền năng khác nhau

Thế giới các vị "thần" kể trên rất đa dạng, các *koi* các *mó* có những thân phận và vai trò riêng trong quan hệ với nhau cũng nh- trong mối liên hệ vô hình với cuộc sống ng- ời Co. Trong số những *koi* và *mó* kể trên, ng- ời Co tin rằng:

- *Koi Vất* và *Koi Bnông* liên quan vận mệnh và sự tốt lành của con ng- ời, có thể ban phúc cho con ng- ời, đ- ợc xem nh- các vị "thần" bảo hộ.

- *Koi Ya số* liên quan sự tr- ờng thọ và giàu có.

- *Koi Hak* phù hộ cho có đ- ợc cái uy, nhờ vậy khiến mọi ng- ời nghe theo và không bị thua kiện.

- *Koi Vua* giúp cho đạt đ- ợc chức quyền cao (làm vua, làm quan).

- *Koi Săng sô* hầu hạ mặt trời, có thể làm cho con ng- ời nóng tính, hay gây gổ với ng- ời khác.

- *Koi Ngok hoang* có thể mạnh về thuốc men và chữa bệnh.

- *Koi Mắt ngời* (mặt trời) cho ngày tốt để làm ăn, giúp con ng- ời tính thời gian theo ngày.

- *Koi Siêk* (mặt trăng) cho tháng tốt, giúp tính tháng, tính đêm.

Khi con ng- ời tổ chức lễ ăn trâu / lễ đâm trâu, mặt trời và mặt trăng là cấp cao nhất nhận cây nêu nghi lễ cùng những bộ phận tạo hình và trang trí khác dâng cúng Trời trong dịp lễ trọng này, theo phong tục Co.

- *Koi Kong Blih* và *Koi Kong Blook* dạy con ng- ời đẽo gọt và tạo hình khi làm cây nêu cũng nh- làm các bộ phận trang trí khác bằng gỗ trong lễ ăn trâu. Quan niệm

<sup>(1)</sup> Danh sách này của "miếu điện thần" Co, có thể còn dài nữa.

này đ- ọc thể hiện rành rẽ trong câu nói vẫn về việc làm những bộ phận trang trí đó mà tiếng Co gọi là *gu*: "*Koi Blook đăt ichi, Koi Blih đăt kó gu*" (ông Blook h- óng dẫn vẽ, ông Blih chỉ bảo đẽo *gu*).

- *Koi Kut ku* và *Koi Kut kak* dạy làm hoa văn trang trí cây nêu và các trang trí khác trong lễ ăn trâu.

- *Koi Kong gòk* và *Koi Kong slí* nhận cây nêu cúng và những trang trí khác trong lễ ăn trâu của con ng- ời rồi nộp lên mặt trời và mặt trăng, sau đó giữ lại các lễ vật dâng cúng này khi chúng đã đ- ọc kiểm duyệt và chấp nhận.

- *Koi Yang đih, Koi Yang in* và *Koi Yang brak* là quân của mặt trời và mặt trăng. Theo lệnh mặt trời, mặt trăng, họ cùng với *Koi Săng sôl, Koi Hak, Koi Vua* và *Koi Kmok* kiểm tra, xem xét cây nêu và các trang trí khác trong lễ ăn trâu của con ng- ời tr- óc khi chúng đ- ọc chấp nhận và giữ lại ở trời.

- *Koi Sral* làm ra chớp trên trời.

- *Koi Y- n đđu* tạo ra tán hay quầng quanh mặt trăng, mặt trời.

- *Koi ăm la zri* và *Koi ăm la kơ* cho "lá đa" hoặc "lá cò", 2 loại "lá" đ- ọc quan niệm là tốt nhất, nh- biểu t- ợng của sự phát đạt, may mắn.

- *Koi ăm sul* phù hộ về nuôi lợn.

- *Koi ăm piêu* cho có nhiều trâu

- *Koi ăm ôh ăm ka* cho thịt thú rừng và cho cá.

- *Koi ăm chik ăm took* cho chiêng công, cho ché.

- *Koi ăm rmok ăm ao* cho nhiều chăn và áo.

- *Koi ăm nhuk ăm kook* cho nhiều chuỗi c- ơm, nhiều vòng đeo tay.

- *Mó Vuk bri* là "bà cai quản rừng" / thần rừng.

- *Mó Huyt* là "bà N- óc" / thần n- óc, ở những vùng n- óc lớn d- ới sông suối. Ng- ời Co có câu: *Koi sing plik, Mó Huyt sing đak* (nghĩa là *koi* thì ở trên trời, còn *Mó Huyt* ở d- ới n- óc).

- *Mó Pí* là "bà bếp" / thần bếp lửa, ngụ tại hòn đá đầu rau ở phía sau. Bà trông coi việc làm ăn sinh sống trong nhà; nếu bị đối xử không chu đáo, bà có thể gây cháy nhà hay bỏng lửa, hoặc làm cho túng thiếu, sản bán không kết quả...

- *Mó Ká* t- ợng ứng với "bà Mụ" trong tín ng- ỡng ở ng- ời Kinh. Bà ta tạo nên các bộ phận và hình hài cụ thể từng con ng- ời, chi phối mạng sống của mỗi ng- ời.

- *Mó Zây* là "bà" / thần trú ngụ ở hang sâu, khe núi.

Các *koi* ở thế giới trên cao, việc liên hệ qua lại giữa trần gian và các *koi* đ- ọc thực hiện nhờ con chim ph- ợng hoàng đất (*sip rak*). Ng- ời Co tin rằng, mỗi khi dân làng làm lễ cúng thần, các *koi* c- ởi ph- ợng hoàng đất xuống thụ h- ớng lễ vật rồi lại bay về trời. Chính vì thế, trong lễ ăn trâu trọng thể theo phong tục Co, bên cạnh những hiện vật đ- ọc tạo hình và trang trí cầu kỳ, không thể thiếu hình t- ợng con chim này làm bằng gỗ.

Các *koi* không chỉ ở trên cao (trên trời hay đỉnh núi cao<sup>(1)</sup>), mà còn là những thần

<sup>(1)</sup> Vì thế, ng- ời Co không dám chặt phá rừng hoặc bắt cá trên những đỉnh núi cao; họ tin rằng nếu xâm phạm thì sẽ bị điên vì "thần linh" quở phạt.

bậc trên. Ở tầng d- ới họ có một số *kh- n* đ- ợc coi là thuộc hạ, cấp d- ới, nh- : *Kh- n Bnông* giúp việc cho *Koi Bnông*, *Kh- n Số* giúp việc cho *Kh- n Ya số*, *Kh- n Tơ-moi liếp* và *Kh- n Tơ-moi xấu* giúp *Koi Vất* phân chia điều tốt, điều xấu, liên quan những việc tốt, việc xấu.

Đồng thời, ng- ời Co cho rằng còn có các *zak* cũng là những thế lực “thần linh” quan trọng ban phát những thú mà họ m- ớc, cần cho cuộc sống của họ: *Zak hang* (ông cho hàng, tức của cải), *Zak hluôt* (ông cho quế, cho trâu), *Zak sun, iar, piêu, bo, ađa* (ông cho lợn, gà, trâu, bò, vịt) ...

Theo tín niệm của ng- ời Co, các vị thần có thể gây hại hoặc phù hộ. Do đó, trong gia đình cũng nh- ở cộng đồng dân làng, họ luôn coi trọng việc cầu cúng để làm các thần vừa lòng, xin đ- ợc thần linh giúp đỡ, tránh để các thần linh phật ý và trừng phạt. Ng- ời dân thôn 2 ở xã Trà Thủy còn nhớ câu chuyện x- a: Có lần làng họ bị cháy, quẻ bói chân gà cho hay đó là do "ma mặt trời" gây ra, họ đã làm lễ cúng, hiến sinh bằng một con trâu, và từ đó làng họ yên ổn. Hay một chuyện khác: Thời kháng chiến chống Pháp, có lần thấy cuộc sống khó khăn quá, làng này đã tổ chức cúng *Mó Huyt* một con lợn to để cầu bà phù hộ việc làm ăn đỡ chật vật, và sau đó họ thấy lời cầu xin trở nên hiệu nghiệm ...

### 3. Quan niệm về ma ng- ời chết

Ng- ời Co tin rằng, cùng với thể xác hữu hình, mỗi ng- ời còn có phần vô hình, nh- ng số l- ợng cơ cấu của nó không giống

nhau giữa nam và nữ, t- ợng tự quan niệm về hồn vía của ng- ời Kinh. Có nơi, họ phân biệt thành *phol* và *ph- ớc*: con trai có 18 *phol* và 18 *ph- ớc*, con gái 19 *phol* và 19 *ph- ớc*. Có nơi, họ chia ra là *phol*, *số* và *bnông*: con trai 7 *phol*, 9 *số* và 10 *bnông*, con gái 9 *phol*, 10 *số*, 20 *bnông*. Các *phol*, *ph- ớc*, *số*, *bnông* đều tồn tại ở đầu ng- ời, song tất cả những khái niệm ấy đều rất mơ hồ, không có hình hài. Tuy không nhận diện đ- ợc một cách cụ thể từng yếu tố cũng nh- không giải thích đ- ợc sự khác nhau giữa các yếu tố, nh- ng ng- ời Co vẫn coi đó là những thực thể sống của mỗi ng- ời.

Bên cạnh đó, họ tin rằng mỗi ng- ời còn có *gró* cũng vô hình và gắn liền với cơ thể sống. Nó giúp ng- ời ta linh cảm đ- ợc điều may rủi và chỉ dẫn cho ng- ời ta gặp may. Ng- ời Co rất coi trọng *gró*, trong mỗi lễ cúng đều mời gọi *gró* tr- ớc tiên, bởi theo họ, bằng không sẽ có thể gặp tai họa.

Ng- ời chết hoá thành ma là quan niệm phổ biến ở nhiều dân tộc, nh- ng quan niệm này của ng- ời Co có phần cụ thể hơn, nh- ở Trà Thủy, họ cho rằng: Khi một ng- ời chết đi, các *số* và *bnông* sẽ tự truyền sang con cháu, chỉ các *phol* mới biến thành "ma" (*ka-mut*, hay *ka-muych*), nh- ng lại không rõ ma ở đâu. Việc chiêm bao thấy một ng- ời quá cố đ- ợc họ coi là gặp ma ng- ời đó.

Khi cúng, ng- ời Co dùng đại từ *krá* để chỉ những ng- ời quá cố thuộc thế giới tổ tiên, bao gồm nhiều đối t- ợng khác nhau và phạm vi rất rộng. Với họ, có hàng loạt *krá*, nh- :

- *Krá ploi*: ma ông bà tổ tiên là ng- ời trong làng nói chung. Trong đó lại chia ra "các cụ làng x- a" (*krá ploi đút*) và "các cụ làng mới" (*krá ploi đơu*).

- *Krá đih*: ma ng- ời chết là dân trong vùng nói chung.

- *Krá liep*: ma ng- ời chết bình th- ờng.

- *Krá xáu*: ma ng- ời chết không bình th- ờng (bất đắc kỳ tử).

- *Krá pinh koi*: ma của họ đảng ông.

- *Krá pinh moh*: ma của họ phía bà.

- *Krá pinh mí*: ma của họ đảng mẹ.

- *Krá pinh ka-ri*: ma của họ phía vợ.

- *Krá pinh moi*: ma của họ đảng con dâu.

- *Krá pinh ok*: ma của họ phía con rể.

- *Krá oh ay*: ma của những ng- ời họ hàng xa về quá khứ, không nhớ nổi tên nữa.

- *Krá Kor*: ma của những ng- ời Co quá cố.

- *Krá Zuat*: ma của những ng- ời Kinh quá cố.

Thậm chí có cả *Krá cụ Hồ*.

Đồng thời, các ma ng- ời chết cũng vẫn có "thần" bảo hộ nh- với ng- ời sống, cho nên khi cúng cầu an liên quan tín niệm bản mệnh, ng- ời Co th- ờng mời gọi tới cả những nhân vật linh thiêng đ- ợc coi là "ông bảo hộ" của những ng- ời quá cố, chẳng hạn:

- *Koi vát vá*: ma giữ bố.

- *Koi vát koi*: ma giữ ông.

- *Koi vát ploi*: ma giữ làng.

- *Koi vuk ploi*: ma giữ nhà.

- *Koi vát vá nao*: ma giữ ông bác.

- *Koi vát nhu*: ma giữ ông chú.

- *Koi vát trá trok ploi*: ma giữ những ng- ời làng đã quá cố.

- *Koi vát trá luk ki*: ma ông bà tổ tiên (nói chung) trong cả vùng.

- *Koi vát pinh mí*: ma giữ tổ tiên đảng mẹ.

- *Koi vát pinh koi, pinh mó*: ma giữ tổ tiên đảng nội, đảng ngoại.

- *Koi vát trá pinh ka-ri*: ma giữ tổ tiên phía vợ.

- v.v...

Ma ng- ời quá cố đ- ợc ng- ời Co cho rằng trở thành "ông" hay "bà" siêu linh trụ trì khu vực chôn thi hài ng- ời đó. Khi khẩn gọi đến trong lễ cúng, họ không gọi trực tiếp tên ng- ời là tổ tiên của mình, mà chỉ gọi "ông" hay "bà" kèm với tên khu đất cụ thể đặt mộ ông hay bà ấy. Chẳng hạn, trong số thân thuộc đã khuất của vị già làng ở thôn 2, ông D- ơng đ- ợc mang tên cúng là *Koi Znút*, ông Huynh – *Koi Zlim*, ông Thum – *Koi Zok Zlak*, ông Trú – *Koi Dih Plok*, vợ chồng ông Cả – *Koi Đol Ka, Mó Đak Khắt*...

#### 4. Mối quan hệ thần n- ớc - thần lúa - bà chúa Ngọc

Tín ng- ỡng về siêu linh liên quan đến n- ớc và lúa chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong tâm thức cổ truyền của tất cả các c- dân bản địa vùng Tr- ờng Sơn – Tây Nguyên. Nh- ng ch- a thấy ở đâu có sự gắn kết 2 vị "thần" này với nhau nh- ở ng- ời Co, và thần lúa ở ng- ời Co cũng có điểm khác với quan niệm của các tộc ng- ời khác.

Theo tín niệm của ng- ời Co, họ có nhiều hay ít lúa gạo, mùa vụ có hoà cốc phong đăng không, dân tình no hay đói, đó là do sự chi phối của những nhân vật

thần bí và vô hình. Trong khi các tộc Hrê, Xơ-dăng láng giềng hay ng- ời Ba-na, Gia-rai, Mnông... ở Tây Nguyên chỉ có một khái niệm "thần lúa" hoặc "hồn lúa" và vị thần đó th- ờng đ- ợc họ t- ờng t- ợng là một ng- ời phụ nữ, thì ng- ời Co lại tin rằng có *Kơi ăm ba trok đơu* và *Kơi ăm ba trok trut* (ông cho lúa vụ tr- ớc (lúa cũ), ông cho lúa vụ này (lúa mới)), đồng thời lại có *Ri Krai* (Thần lúa) và có cả *Mo Huyt ăm ba* (bà Huyt cho lúa). Nh- vậy, với ng- ời Co, có cả "ông thần lúa" – 2 *Kơi* kể trên, có cả "bà thần lúa" – *Ri Krai* và *Mo Huyt*. Tên gọi vị thần này cũng hoàn toàn không giống nh- tên gọi "thần lúa" là *Yàng Xri*, hay gần nh- thế, th- ờng thấy ở các dân tộc khác trong vùng.

Một điều đáng chú ý nữa là, khi hát nghi lễ (*klu*) trong lễ cúng lớn, ng- ời Co nhắc đến 3 bà: *Zá Srik, Zá Sri, Zá Hai* - đều đ- ợc coi là "thần lúa"; còn trong những lễ cúng nhỏ thì "thần lúa" là bà *Mo Huyt ăm ba* và ông *Kơi ăm ba*. Ch- a có ng- ời Co nào cung cấp đ- ợc thông tin giải thích sự xuất hiện những tên gọi này, sự tồn tại đồng thời các vị thần ấy và mối quan hệ quanh tín ng- ỡng "thần lúa" của họ.

Trong khi đó, *Mo Huyt* cũng chính là "thần n- ớc", và đ- ợc coi là vợ các *Kơi* trên trời. Ng- ời Co đồng nhất *Mo Huyt* – thần n- ớc với thần lúa/ma lúa và với bà chúa Ngọc. Đây là một điều bí ẩn nữa về tín ng- ỡng Co. *Mo Huyt* cai quản thế giới d- ới n- ớc, nh- ng họ cho rằng khi lúa trổ, hạt ngậm sữa là nhờ đ- ợc bà cho bú sữa; nếu bà không cho bú thì lúa sẽ lép. Lúa đẹp hay xấu, hạt mẩy hay lép, họ đ- ợc no

đủ hay bị đói kém đều phụ thuộc trực tiếp vào *Mo Huyt*. Trên rẫy, tại đám đất gieo trồng mang tính nghi thức khi mở đầu mỗi vụ canh tác, họ trồng cây chuối rừng và coi đó là cây thiêng của *Mo Huyt*. Ngay sau đó, cây chuối này đ- ợc tác động có tính lễ thức khi cúng xuống giống tại rẫy. Thêm nữa, lá chuối rừng có mặt đ- ợng nhiên trong lễ cầu cúng hay tạ ơn *Mo Huyt* và *Kơi ăm ba*, cũng nh- trong các lễ cúng khác, bởi lá chuối rừng luôn đ- ợc ng- ời Co dùng làm đồ đựng các thức cúng.

Đồng thời, ng- ời Co còn có tín ng- ỡng về "hồn lúa" (*phol ba*). Trong kho của mỗi gia đình, họ dành ra một chỗ để treo túm lúa và ống thóc giống lấy về từ đám rẫy thiêng vừa nói tới ở trên. Hồn lúa trú ngụ tại đó. Hồn sợ tiếng nói to, sợ tiếng chiêng trống, sợ cả tiếng đập gõ mạnh, tiếng chó mèo kêu. Nếu đang gùi thóc hoặc tuốt lúa mà quai gùi bị đứt, hay đang gùi lúa lội suối sâu mà thóc bị trôi, hay rẫy lúa bị lở sạt, thì phải cúng để hồn lúa yên ổn trở lại. Theo họ, *Mo Huyt* cũng coi giữ hồn lúa và quản lý thóc lúa trong kho.

Tín ng- ỡng về bà chúa Ngọc từ d- ới đồng bằng đã lan toả ảnh h- ớng lên vùng ng- ời Co từ lâu, đ- ợc họ tiếp nhận và hoà trộn với tín ng- ỡng về thần / ma n- ớc và thần / ma lúa của mình. Xuất xứ của tín ng- ỡng bà chúa Ngọc đ- ợc chỉ ra nh- sau: "Trên cơ sở tín ng- ỡng thờ nữ thần xứ sở Pô In- Naga của ng- ời Chăm, ng- ời Việt khi vào miền Trung đã dung hoà với tục thờ Mẫu vốn có của mình để thờ nữ thần xứ sở của ng- ời Chăm-pa. Pô In- Naga hoá thân thành Thiên Ya Na, hay bà Chúa

Ngọc, bà Chúa Trời hoặc chỉ gọi là bà<sup>(1)</sup>. Gần thị trấn huyện Trà Bồng có đền thờ bà và ng- ời Co cũng có xuống đó tham dự lễ cúng cùng với ng- ời Kinh. Không hiểu tại sao họ lại coi bà là *Mo Huyt* với 2 chức năng thần n- ớc và thần lúa đ- ợc nhất thể hoá trong ng- ời đàn bà siêu nhiên này.

### 5. Một số niềm tin khác

Với ng- ời Co, trong cuộc sống th- ờng ngày có nhiều “ma” và những điều lạ bí ẩn, họ dễ gặp và đáng sợ.

Trên rừng, khi phát rẫy họ sợ gặp phải chỗ có n- ớc ngầm phun lên, hay có lỗ hút sâu vào lòng đất, hoặc có khối đá gốc lớn nổi lên. Khu đất đó bị coi là có loại ma *ka-mut ziek kol*, buộc dân làng phải tìm thầy cao tay (ng- ời có *gru xa-kol*, sẽ nói đến ở mục d- ới) chủ trì lễ cúng chung để đuổi ma và cầu yên lành, đ- ợc mùa.

Những cây đa cổ thụ (*zri*) cũng là đối tượng ng- ời Co kiêng cử. Họ cho rằng, ng- ời vẫn khỏe mạnh mà bị liệt không đi lại đ- ợc là do ma cây đa làm, do đó phải cúng để cầu khỏi bệnh. Tuy vậy, nh- đã nói đến, lá đa của “ông cho lá đa” (*Koi ăm la zri*) lại là thứ lá ban phát may mắn. Đáng chú ý nữa để tìm hiểu về tín niệm liên quan cây đa là, loài cây này cũng đ- ợc khắc trên những tấm gỗ đ- ợc tạo hình và trang trí đặc biệt treo trong lễ ăn trâu của ng- ời Co.

Một loại ma có tên là *mrét* chuyên gây cho con ng- ời những tai nạn nh- : cháy, bỏng, bị th- ơng do dao, cuộc... Để xua

đuổi nó, ng- ời ta khấn khứa trong khi dùng lá *đơ-ak*<sup>(2)</sup> đập vào ng- ời, khua khắp nhà và treo trên cửa nhà.

Ng- ời Co còn sợ ma *ka-mut gôk*, tức ma những chết vô thừa nhận, những cô hồn từ x- a, trở thành một loại ma xấu trong rừng núi.

Nh- ng nếu vào rừng gặp một loại nấm nhỏ, màu trắng, thân mềm, mọc từ đất lên và chỉ tồn tại vài ba ngày, thì họ coi đó là gặp đ- ợc “hoa *bnông*”, là tín hiệu may mắn, tốt lành. Loại hoa này cũng đ- ợc thể hiện trên mặt gỗ trang trí theo phong tục trong lễ ăn trâu.

Một điều may mắn hy hữu nữa là việc gặp ngà của con voi chết già hoặc ngà voi đâm kẹt vào gốc cây trong rừng sâu. Ngà đem về trở thành vật thiêng trong nhà. Nh- ng hàng năm ng- ời đ- ợc ngà phải cúng “thần thổ địa” (*koi đak đih*) nơi xuất hiện chiếc ngà lạ, vì họ tin rằng thần đã ban tặng cho ngà. Ng- ời may mắn đó đ- ợc xem là ng- ời có vía mạnh, luôn đ- ợc vị nể, không bị lấn át, sinh sự và không lo thua kiện.

Giống với quan niệm x- a kia của ng- ời Kinh, ng- ời Co cũng cho rằng loại rìu đá đôi khi họ nhặt đ- ợc trong vùng là rìu của trời (*xuôk koi*: “rìu của ông /trời”). Họ tin đó là vật thiêng, có tính linh nghiệm, nên đem mài vào n- ớc để dùng chữa bệnh, nhất là cho trẻ nhỏ.

<sup>(1)</sup> Phan Đình Độ. *Tín ngưỡng thờ Thiên Ya Na ở Lý Sơn*, Tạp chí *Cẩm Thành*, Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Quảng Ngãi, số 32, tháng 8/2002, tr. 37.

<sup>(2)</sup> Đó là loại cây mọc hoang trong rừng, gần giống cây sa nhân, cây riềng, lá nếu vò nát thì có mùi rất hắc và hôi; ng- ời ta nhổ nguyên cây, lấy cả rễ để đuổi ma.

## 6. Về những ng- ời có khả năng thần bí

Trong xã hội Co, một số ng- ời đàn ông đ- ợc coi là có *gru*<sup>(1)</sup> và họ có vai trò riêng trong sinh hoạt tín ng- ỡng, kể cả trong việc chữa bệnh theo lối phù thủy. Tuy nhiên vốn liếng *gru* của họ cao thấp khác nhau, tức là khả năng dùng *gru* của họ để tạo những tác động kỳ bí không giống nhau, có ng- ời “cao tay”, có ng- ời “thấp tay”:

- *Gru bin*: Ng- ời có *gru bin* có thể cúng giải trừ ma hoặc làm phép để xỏ đ- ợc cái độc trong cơ thể ng- ời ốm. *Gru* này ở sẵn trong nhà, bám theo ng- ời chủ, nên dễ dàng gọi đ- ợc khi cần đến nó.

- *Gru óat ti*: Loại *gru* này đ- ợc sử dụng trong việc bói tay, là một hình thức xem bói khá phổ biến của ng- ời Co. Nó cũng bám theo ng- ời chủ, trú ngụ ở chiếc mũng dùng để đốt trầm mỗi khi hành lễ.

- *Gru xa-kol*: Ít ng- ời có hơn so với 2 *gru* kể trên. Đây là loại *gru* mạnh nhất, đuổi đ- ợc cả ma độc *ka-mut zìek kol* ở rừng, ở rẫy. Khi cần *gru xa-kol* giúp, ng- ời chủ lễ phải mặc đồ đen, khăn đỏ, phải thịt gà và lấy một thứ củ thiêng làm lễ cúng gọi nó tới.

Các loại củ thiêng cần cho những ng- ời dùng thuật *gru* trong cúng quải, làm bùa phép, và chỉ đ- ợc truyền cho con trai trong gia đình, dòng họ. Đó là 4 loại củ: *pgăk gru*, *pgăk uk ik*, *pgăk rvang*, *pgăk đóp* hay *pgăk mắt ngời*, trồng bí mật ở chỗ hẻo lánh trong rừng, tránh ng- ời qua lại.

<sup>(1)</sup> Hiếm có phụ nữ Co biết thuật *gru*.

Đặc biệt phụ nữ bị kiêng cử lai vãng những chỗ đó, ng- ời ta tin rằng trời nắng, thậm chí bóng của ng- ời đàn bà ngã tới đã đủ khiến bà ta đau ốm. Có lẽ đây là các loại củ đ- ợc liệu, nh- ng độc, theo kể lại thì chỉ cần nhai hơi nhiều một chút đã có thể bị rụng răng. Trong 4 loại đó, củ *đóp* đ- ợc dùng để tự vệ, bằng cách nhai một tí có thể tránh bị tác hại thần bí do ng- ời khác gây ra; còn 3 loại khác đều đ- ợc dùng nh- bùa chú để xua đuổi tà ma trên rẫy, trên rừng.

Ng- ời Co nói rằng có tất cả 90 *gru*, nh- ng ch- a thấy một ai biết đ- ợc cụ thể về hệ thống các *gru*. Có thể truyền *gru* thông qua nghi lễ cúng quải, mỗi lần cho 3 ng- ời (tiếng Co là *rót gru* - “mua *gru*”). Khi làm lễ, ông thầy đeo 2 chiếc vòng đồng ở cổ tay, rồi sau đó đồ đệ nhận lấy một chiếc để giữ suốt đời. Hình thức này cũng có ý nghĩa nh- lễ công nhận ng- ời mới biết thuật *gru* hoặc mới đ- ợc thăng lên cấp bậc *gru* cao hơn. Về sau, lúc thầy lâm chung, ng- ời đồ đệ có thể vuốt tay ông ta theo kiểu vợ về phía mình, vuốt lông mày và miệng ông ta rồi làm động tác nh- nhúp bỏ lên tóc mình, ngụ ý để *gru* của thầy truyền cả sang cho mình và để mắt nhìn có uy, miệng nói có uy, đ- ợc những ng- ời khác nể trọng hơn.

\*   \*  
\*  
\*  
\*

Qua tìm hiểu sơ bộ một số khía cạnh của tín ng- ỡng Co ở trên, có thể ghi nhận khái quát đôi điều sau đây:

1. Cũng t- ơng tự nh- các tộc ng- ời khác ở khu vực Tr- ờng Sơn - Tây Nguyên,

ng- ời Co theo truyền thống vật linh giáo, tin vào một hệ thống “thần linh” và “ma” có liên quan đến cuộc sống của họ, ràng buộc và chi phối họ tuy vô hình nh- ng chặt chẽ. Đối với họ, đó là cả một thế giới siêu nhiên huyền bí mà họ phải phục tùng, e sợ. Về cơ bản, thế giới ấy đ- ợc phân chia thành 2 tầng: tầng trời và tầng đất - n- óc.

2. Một đặc điểm của tín ng- ỡng Co là đã xuất hiện một hệ thống thần linh đông đảo đ- ợc gọi là “ông” (*Kơi*) và “bà” (*Mó*). Về hình thức, sự hiện diện các “ông” chiếm phần đại đa số trong đó gợi ý liên t- ưởng đến sự phù hợp với đặc điểm xã hội đã xác lập chế độ phụ hệ của ng- ời Co.

3. Trong tín ng- ỡng cổ truyền của ng- ời Co, có một số yếu tố ảnh h- ưởng từ ng- ời Kinh vùng đồng bằng Nam Trung Bộ, rõ nhất là tín ng- ỡng về bà chúa Ngọc. Đó là kết quả của quá trình c- trú gần gũi nhau, đặc biệt là quá trình giao l- u kinh tế - văn hóa lâu dài giữa ng- ời Co với ng- ời Kinh và ng- ời Hoa, để lại những dấu ấn Kinh và Hoa khá đậm nét trong đời sống vật chất cũng nh- tinh thần trên vùng Co. Các khái niệm *Ngọc hoàng, vua, lá cờ...* cũng góp thêm bằng chứng về sự tiếp nhận ảnh h- ưởng từ bên ngoài vào đời sống tín ng- ỡng Co. Một khi nghiên cứu sâu và toàn diện, có thể sẽ hé mở thêm những yếu tố du nhập khác nữa tham gia trong đó. Nh- ng chắc chắn rằng, bên cạnh các yếu tố bản địa Co, các yếu tố chung Tr- ờng Sơn - Tây Nguyên, tín ng- ỡng Co còn có những yếu tố đ- ợc tiếp nhận từ bên ngoài, từ c- dân khác, mà ở

một số lĩnh vực khác của đời sống ng- ời Co cũng thấy nh- vậy.

4. Sự đồng nhất thần n- óc - thần lúa - bà chúa Ngọc và sự phức tạp trong tín ng- ỡng về thần lúa / hồn lúa là những điều mới thấy ở ng- ời Co, ch- a gặp ở các dân tộc khác trong vùng.

5. Tín ng- ỡng Co quả là một phức hợp phong phú còn ẩn chứa những điều ch- a sáng tỏ, khó hiểu, và cả những điều ch- a biết hoặc biết ch- a đầy đủ, do đó cần đ- ợc nghiên cứu tiếp một cách t- ờng tận./.



Ng- ời Hmông ở M- ờng Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ảnh: Đặng Thị Hoa